BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 372/GCN-BXD	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2018

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét Công văn xin đăng ký cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định chất lượng xây dựng 688 và Biên bản đánh giá của Tổ chuyên gia ngày 09 tháng 6 năm 2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định chất lượng xây dựng 688.

Địa chỉ: 129/74 đường Phan Văn Hớn, KP4, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0313530911

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm & kiểm định công trình xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 65, đường TTN5, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 688.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận đủ diều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 146/GCN-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định chất lượng xây dựng 688;
- Sở XD Tp. Hồ Chí Minh;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ XÂY DỰNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 688

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 372/ /GCN-BXD, ngày 18 tháng 6 năm 2018)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	Thử nghiệm xi măng	
1	Xác định độ mịn , khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030 :2003
2	Xác định giới hạn uốn và nén	TCVN 6016 :2011 (ISO 679 :2009)
3	Xác định giới hạn bền nén bằng phương pháp nhanh	14TCN 67 :2002
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn (TCVN 6017:2015),thời gian đông kết (TCVN 8875:2012) và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng (TCVN8876:2012)	TCVN 6017 :2015 TCVN 8875:2012 TCVN 8876:2012
5	Xác định độ nở sun phát	TCVN 6080:2004
6	XĐ độ ẩm; lượng mất khi nung ; cặn không tan; hàm lượng magie oxit (MgO); xác định độ nở Autoclave	TCVN 141:2008
7	Độ giãn nở của mẫu vữa trong nước sau 14 ngày	ASTM C1038:01
8	Xác định lượng kiềm	ASTM C114:00
9	Xác đinh nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:05
10	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunfat	TCVN 7713:11
	Thử nghiệm cơ lý cốt liệu đá dăm, sỏi, cát bê tông- Cát xây dựng và vữa	
11	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
12	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
13	Xác định khối lượng riêng , khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
14	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006
15	Xác định đổ ẩm	TCVN 7572 -7 :2006
16	Xác định hàm lượng bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
17	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
18	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
19	Xác dịnh độ nén dập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
20	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
21	Xác dđịnh hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
22	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006
23	Hàm lượng Clorua Cl-	TCVN 7572-15:2006
24	Xác định hàm lượng sunphat, sunphit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
25	Xác hiện hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006
26	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
27	Xác định hệ số ES	ASTM D2419-91
28	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D2419-91 AASHTO T191 -87
	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
29	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:1993
30	Xác định độ sụt của hỗn hợp BT	TCVN 3106:1993
31	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp BT nặng	TCVN 3108:1993
32	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111:1993
33	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
34	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
35	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
36	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:1993

37	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993
38	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
39	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:1993
40	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:1993
41	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
42	Thử độ co	TCVN 3117:1993
43	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi nén tĩnh	TCVN 5276 : 1993
	Thử nghiệm cơ lý vữa xây dựng	
44	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003 TCVN 9028:2011
45	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2003
46	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003 TCVN 9028:2011
47	Xác định khối lượng riêng của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
48	Xác định khả năng độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003 TCVN 9028:2011
49	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2003
50	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003 TCVN 9028:2011
51	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2003 TCVN 9028:2011
52	Xác định độ hút nước của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2003
53	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa trát sữ dụng cho bề mặt ngoài khối xây	TCVN 9028:2011
	Thử nghiệm cơ lý gạch xây đất sét nung	
54	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng	TCVN6355:2009
	Gạch bê tông khí chưng áp AAC	
55	Xác định kích thước; Xác định khối lượng khô; Xác định cường độ chịu nén; Xác định độ co khô	TCVN 7959 :2011
	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn	
56	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
	Thử nghiệm trần thạch cao	
57	Cường độ chịu uốn theo phương pháp A; Độ biến dạng ẩm; Độ hút nước	TCVN 8257: 2009
	Thử nghiệm cơ lý gạch block bê tông	
58	Kiểm tra kích thước màu sắc và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ thấm nước; xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
	Xác định độ hút nước	TCVN6355-4:2009
	Vải địa kỹ thuật – bấc thấm và vỏ bọc bấc thấm	
59	Xác định hệ số thấm đơn vị	ASTM D4491- 91
60	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:11 ASTM D4533- 91
61	Cường độ chịu kéo đứt, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật và Bấc thấm	TCVN 8485:2010 ASTM D4595- 91
62	Cường độ chịu kéo giật, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật và Bấc thấm	TCVN 8871-1:11 ASTM D4632- 91
63	Khả năng thoát nước của vải địa kỹ thuật và Bấc thấm	ASTM D4716- 91
64	Cường độ kháng xuyên của vải địa kỹ thuật	ASTM D4833:07
65	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220: 09 ASTM D5199-01

66	Xác định khối lượng đơn vị thể tích	TCVN 8221: 09
67	Xác định kích thước lỗ lọc của vải	TCVN 8871-6:11
68	Xác định sức chọc thủng bằng pp rơi côn	ISO 13433
69	Xác định độ thấm xuyên	22TCN 97:96
70	Khả năng chống xuyên (CBR) của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-3:11 ASTM D 6241:99
71	Kích thước lỗ rỗng của vải địa kỹ thuật và bấc	22 TCN 12:03 ASTM D 4751
72	Sức chịu kéo và và độ biến dạng khi kéo của lõi bấc	ASTM 1621:04
73	Xác định cường độ chịu kéo sau khi chịu tia cực tím	ASTM D4355:07
74	Khối lượng riêng của lõi	ASTM 1505:03
75	Xác định cường độ chịu kéo của sợi	ASTM D2256:97
76	Xác định sức chịu chọc thủng	ASTM D5494:99
77	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:11
78	Xác định lực xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:11
	Thí nghiệm rọ đá-thảm đá, khớp nối PVC	
79	Cường độ chịu kéo, Moduyn đàn hồi và độ giãn dài tương đối	ASTM D412-02
80	Tổn thất bay hơi ở 105°C trong 24h	ASTM D1203:10
81	Độ cứng dây đai	ASTM D2240:91
82	Khối lượng riêng của dây đai và lớp vỏ bọc PVC	ASTM D729:00
83	Sức kháng mài mòn	ASTM D1242-10
84	Xác định loại đá sử dụng trong thảm/ Đệm/ Rọ đá	ASTM D4992-94
85	Xác định khối lượng mạ kẽm	BS 443: 82 BS EN 10244-2
86	Kích thước mắt cáo, chiều dày lớp bọc vỏ, đường kính dây bọc, đường kính dây viền mã kẽm, đường kính dây đan mã kẽm	TCVN 10335:2014 BS 1052: 97
87	Độ bền xé rách, cường độ chịu kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 4501-1:2014
	Thử nghiệm bê tông nhựa	
88	Xác định độ ổn định và độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
89	Xác định hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011
90	Xác định thành phần hạt của hỗn hợp bê tông nhựa sau khi chiết	TCVN 8860-3:2011
91	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
92	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
93	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
94	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011 AASHTO T304-96
95	Xác định hệ số lu lèn	TCVN 8860-8:2011
96	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
97	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
98	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
99	Xác định độ ổn định của BTN	TCVN 8860-12:2011 AASHTO T245-97
100	Thiết kế hỗn hợp BTN theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011 858/QĐ-BGTVT
	Thử nghiệm nhựa bitum	
101	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
102	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005
103	Xác định nhiệt độ hoá mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005
104	XĐ điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
105	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
106	Xác định hàm lượng hòa tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2005

107	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
108	Xác định độ bám dính của đá	TCVN 7504:2005
109	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
110	Xác định hàm lượng parafin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
111	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	Thử nghiệm nhựa đường lỏng	
112	Xác định nhiệt độ bắt lửa; Xác định hàm lượng nước; Thử nghiệm chưng cất; Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818:2011
	Thí nghiệm cơ lý vật liệu bột khoáng trong BTN	
113	Xác định thành phần hạt; Xác định lượng mất khi nung; Xác định hàm lượng nước; Xác định khối lượng riêng của bột khoáng; Xác định hệ số háo nước; Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Xác định độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; Xác định khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng của khoáng chất.	22TCN 58: 1984
	Thử nghiệm cơ lý dung dịch bentonite	
114	Xác định khối lượng riêng; Xác định độ nhớt; Xác định lực cắt tĩnh; Xác định hàm lượng cát; Xác định hàm lượng tỷ lệ chất keo; Xác định độ PH của dung dịch; Xác định hàm lượng nước mất và độ dày áo sét; Xác định tính ổn định.	TCVN 9395:2012
	Kiểm tra kim loại, hàn, kết cấu thép	
115	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009) ASTM A370:02
116	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)
117	Thử uốn thép đai	TCVN 6287:97
118	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010 (ISO 5173 :2009)
119	Kiểm tra chất lượng hàn ống -thử nén dẹt	TCVN 5402 :2010 (ISO 9016:2001)
120	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử kéo	TCVN 5403:2010 AASHTO T244-90
121	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:1995 ASTM A370:02
122	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp bột từ	TCVN 4396:1986 ASTM D1.1
123	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 1548: 1987 ASTM D1.1
124	Kiểm tra không phá hủy - phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617: 1996
	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng	
125	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
126	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012
127	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012
128	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
129	Xác định sức chống cắt trên máy cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
130	Xác định nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
131	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 22 TCN 333:2006
132	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012

133	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm (Califonia Bearing Ration)	TCVN 332-2006
134	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8723:2012
135	Đặc trưng co ngót của đất sét	AASHTO T92:88
136	XĐ tổng hàm lượng, hàm lượng các Ion thành phần muối hòa tan	TCVN 8727:2012
137	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
	Phân tích hóa nước	
138	Xác định hàm lượng cặn không tan, muối hòa tan; Xác định tổng lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
139	Xác định hàm lượng chất hữu cơ, độ ôxy hóa	TCVN 4565:1988
140	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
141	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl-)	TCVN 6194:1996
142	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6200:1996
	Thử nghiệm hiện trường	
143	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao vòng	22 TCN 02:1971
144	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429-92
145	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346:2006
146	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
147	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới vệt bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
148	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng PP tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 ASTM D1556
149	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
150	Xác định cường độ bê tông bằng PP không phá hoại sử dụng máy đo siêu âm kết hợp với bật nẩy	TCVN 9335:2012
151	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012
152	Kiểm tra độ đồng nhất của bê tông bằng phương pháp xung siêu âm xác định vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
153	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012
154	Cọc - PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
155	Cọc - thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945-2000
156	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM D4429:1992
157	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
158	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông nhẹ	
159	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định cường độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2011

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.